

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

*“Ly hôn; tranh chấp nuôi con
chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thìn

Bà Trần Thị Quỳnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 990/2019/TLST- HNGĐ ngày 31/12/2019 về việc “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Hoàng O, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: Số 7B/2, ấp AB, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng Th, sinh năm 1985;

Hộ khẩu thường trú: Số 7B/2, ấp An Bình, xã Trng Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Chị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Th vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tường trình nguyên đơn chị Vũ Thị Hoàng O trình bày:*

Chị và anh Trần Hoàng Th, sau khi tìm hiểu đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72/HK, quyền 01/2006 ngày 11/11/2006.

Trong quá trình chung sống, giai đoạn đầu hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh Th thường xuyên đi chơi, không chăm lo làm ăn, mặc dù gia đình đã can thiệp, khuyên bảo nhưng anh Th vẫn không thay đổi, hai người đã không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung là cháu Trần Hồng Â, sinh ngày 20/7/2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Do bận việc nên chị O có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

** Bị đơn anh Trần Hoàng Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc, xét xử nhưng anh Th đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: chị O và anh Th có đăng ký kết hôn tự nguyện và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh Th không chăm lo làm ăn, mặc dù gia đình đã

khuyên bảo nhưng anh Th vẫn không thay đổi để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hiện nay, hai người đã không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O về việc ly hôn với anh Th.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Hồng Â, sinh ngày 20/7/2008. Con chung hiện đang còn nhỏ, cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình tố tụng anh Th không đến Tòa làm việc để bảo vệ cho quyền lợi của mình, không có ý kiến về việc đề nghị được nuôi con chung nên không có cơ sở để giao con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho cuộc sống của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị O tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị O tạm thời không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị O khai không có; về án phí: chị O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị Hoàng O có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp con chung với anh Trần Hoàng Th có địa chỉ tại số 7B/2, ấp AB, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Do đó, chị O được xác định là nguyên đơn, anh Th được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung”. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng qua người thân là bà Đinh Thị L (mẹ ruột anh Th) sống cùng địa chỉ với bị đơn và bà L đã cam kết giao tận tay ngay các văn bản tố tụng cho anh Th và Tòa án cũng đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh Th kết hôn vào năm 2006, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/11/2006 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị O khởi kiện yêu cầu được ly hôn với

anh Th và được Tòa án thụ lý ngày 31/12/2019 nên áp dụng thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết ly hôn.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn là có thật. Anh Th và chị O bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong xây dựng hạnh phúc gia đình mặc dù gia đình đã khuyên bảo để đoàn tụ nhưng vẫn không có kết quả. Điều này được thể hiện tại lời khai của nguyên đơn, người làm chứng bà Đinh Thị L - mẹ của bị đơn (bút lục 18, 22, 23). Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia phiên tòa để nêu ý kiến của mình, điều này thể hiện anh Th đã bỏ mặc, không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Như vậy, chứng tỏ chị O và anh Th có mâu thuẫn trầm trọng, hai người không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, không cùng mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc, hiện vợ chồng cũng đã không còn chung sống với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chị O khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Th là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị O và anh Th có 01 con chung là cháu Trần Hồng Ân, sinh ngày 20/7/2008. Con chung hiện đang ở ổn định với chị O, đang được đi học và phát triển bình thường, cháu là Á là con gái và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ (bút lục 5, 19). Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không đến tòa làm việc, không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Nên cần giao con chung cho chị O tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, tạm thời chị O không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị O khai không có.

[2.4]. Về nợ chung: Chị O khai không có nợ chung.

[3]. Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Hoàng O.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Hoàng O được ly hôn với anh Trần Hoàng Th.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hồng Â, sinh ngày 20/7/2008 cho chị Vũ Thị Hoàng O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Trần Hoàng Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: chị Vũ Thị Hoàng O phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006793 ngày 27/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị O đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- UBND xã Trung Hòa;
- (Giấy CNKH số: 72/KH, ngày 11/11/2006)
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán;
- Mẫu 52-DS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Phạm Phú Tra